TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH TỈNH HẢI DƯƠNG Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15/7/2020 *V/v tranh chấp:"Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và bà Bùi Thị Quy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2020 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐHPTST-DS ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT và cư trú cuối cùng tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Anh T bị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-DS ngày 12/3/2020)

Chị M có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T2;

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1955.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Đều có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị M trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/3/2005. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng tính tính không hợp, quan điểm sống bất đồng đặc biệt trong vấn đề làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và không có hạnh phúc. Đỉnh điểm đến đầu năm 2016 vợ chồng xảy ra xô xát do anh T có chơi bời, dẫn đến việc nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Chị và gia đình có khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi buộc chị phải về nhà mẹ đẻ của chị cùng hai con sinh sống tại huyện T, tỉnh Hưng Yên. Trong thời gian đầu chị bỏ về Hưng Yên, thi thoảng vợ chồng có liên lạc với nhau tuy nhiên được một thời gian thì chị và anh T không liên lạc với nhau nữa. Đến khoảng tháng 6/2017 chị về quê chồng ở T, N để tìm gặp anh T nói chuyện thì được biết anh T đi làm ăn xa nhưng cũng không liên lạc gì về với gia đình, mọi người trong nhà không biết anh T đi đâu, làm gì. Chị có nhờ người thân, người quen, thậm chí cả thông báo tìm kiếm trên đài tiếng nói nhưng vẫn không có tin tức gì của anh T nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh T mất tích. Ngày 12/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách đã ra quyết định tuyên bố anh T mất tích. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Duy M1, sinh ngày 04/10/2009. Hiện hai con đang ở ổn định với chị và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác anh T lại đang mất tích vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm lao động tự do, có thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng và có tài sản riêng đủ cho mẹ con chị sinh sống. Ngoài ra, chị còn có sự hỗ trợ của mẹ đẻ chị về chỗ ở cũng như thời gian chăm sóc hai con của chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị M xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông T1 và bà T2 là bố mẹ của anh T trình bày: Anh T bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay không có tin tức gì, chị M đã đăng tin tìm kiếm anh T nhưng cũng không nhận được thông tin gì của anh T. Tòa án nhân dân huyện Nam Sách đã tuyên bố anh T mất tích. Kể từ khi Tòa án tuyên bố anh T mất tích đến nay cũng không ai có tin tức gì của anh T. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T và giải quyết cho chị M được nuôi dưỡng cả hai con vì hiện anh T không có nhà.

Tại biên bản lấy lời khai bà Đ mẹ chị M thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị M - T không có hạnh phúc. Tuy nhiên, do bà không ở cùng anh chị nên không biết cụ thể mâu thuẫn giữa anh chị là gì. Bà chỉ nghe chị M kể lại cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng buộc chị M và hai con phải về nhà bà ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên sinh sống từ năm 2016 đến nay. Gia đình bà có khuyên bảo để anh chị bỏ qua cho nhau để đoàn tụ vợ chồng nhưng đến năm 2017 anh T lại bỏ nhà đi, đi đâu không ai biết. Chị M và gia đình thông gia của bà có tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của anh T. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn theo quy định của pháp luật để chị M ổn định cuộc sống.

Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương, UBND xã T và Công an xã T thể hiện: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Nam Sách tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất tích đến nay vẫn không có thông tin gì của anh T. Nay chị M làm đơn xin ly hôn, đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị M theo quy định của pháp luật.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Duy M1 (con đẻ của chị M, anh T) có đơn đề nghị được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị M.

Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị M xác định giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, chị không thể tiếp tục chờ đợi anh T. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, giải quyết cho chị được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đối với bị đơn mất tích, đã niêm yết đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Duy M1, sinh ngày 04/10/2009 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyên của chị M không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn, bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại gia đình và UBND xã T, nơi cư trú cuối cùng của anh T theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân dự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thư.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị M và anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/3/2005. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái, anh T lại chơi bời dẫn đến nợ nần, kinh tế khó khăn buộc chị M phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên sinh sống. Năm 2017 anh T bỏ đi đến nay không có tin tức gì. Chính quyền địa phương, Công an xã, UBND xã T và người thân của anh T đều xác định hiện nay không ai biết anh T ở đâu, làm gì, mặc dù đã được chị M tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo nhân dân, Đài tiếng nói Việt Nam, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao nhưng vẫn không có tin tức gì của anh T. Xét việc anh T bỏ đi từ năm 2017 đến nay, chị M phải tự lo toan cuộc sống, không nhận được sự quan tâm chăm sóc của người chồng, thực tế Tòa án đã tuyên bố anh T mất tích, điều đó chứng tỏ hạnh phúc hôn nhân của chị M không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Về con chung: Chị M, anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Duy M1, sinh ngày 04/10/2009. Cả hai cháu đang ở cùng chị M và đều có nguyện vọng được ở với chị M. Xét thời điểm hiện tại, anh T vẫn đang bị Tòa án tuyên bố mất tích nên HĐXX giao cháu Ngọc A và Duy M1 cho chị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn

cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi anh T trở về, anh T, chị M có yêu cầu khác; việc chị M tự nguyện không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên không có; do anh T mất tích không thể đưa ra ý kiến về tài sản, nợ chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi anh T trở về có căn cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung, nợ chung thì anh T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị M xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung:* Xử: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Duy M1, sinh ngày 04/10/2009 cho chị M tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con tròn 18 tuổi hoặc khi anh T, chị M có yêu cầu khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Mai đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008516 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận: *- VKSND huyện Nam Sách;* *- Chi cục THADS huyện Nam Sách;* *- Các đương sự;* *- UBND xã T, huyện Nam Sách để lưu hộ tịch;* *- Lưu hồ sơ.*	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **(Đã ký)** **Đoàn Thị Điệp**